

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 08/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2018 về việc *“Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp”*.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Văn T**-Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TCMP Đ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Vũ Đình K**, sinh năm 1969

Chức danh: Phó Tổng giám đốc-Ngân hàng TCMP Đ.

Địa chỉ: Số 25 T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Theo Giấy ủy quyền số 359/2018/UQ-Ngân hàng Đ ngày 20/4/2018 Ngân hàng TCMP Đ.

Đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông **Đình Quang H**-Chuyên viên chính Xử lý nợ-Khoi XLN và TCT - Đ.

Theo giấy ủy quyền số 4587/2018/UQ-Đ ngày 21/4/2018 Ngân hàng TCMP Đ.

- Bị đơn: Anh **Phạm Đình T** (tên gọi khác là **Phạm Văn T**) sinh năm 1984 và chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1985

Đều đăng ký hộ khẩu và cư trú tại: Số 1/52 đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Văn C**, sinh năm 1957 và bà **Đình Thị A**, sinh năm 1959

Đều đăng ký hộ khẩu và cư trú: Số 1/52 đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

(ông H, anh T, chị N, ông C đều có mặt tại phiên hòa giải).

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất chốt được tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 17/6/2018 là **510.382.278** đồng (*Năm trăm mười triệu, ba trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm bảy mươi tám đồng*); trong đó tiền nợ gốc là 397.500.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 71.074.577 đồng; tiền lãi quá hạn: 41.807.701 đồng.

2. Ngân hàng TMCP Đ, anh Phạm Đình T (tên gọi khác là Phạm Văn T), chị Phạm Thị N, ông Phạm Văn C, bà Đình Thị A tự nguyện thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về phương thức và thời hạn thanh toán số tiền nợ. Anh Phạm Văn T (Phạm Đình T) và chị Phạm Thị N phải trả Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ là **510.382.278** đồng, trong thời hạn 06 tháng, vào ngày 22 hàng tháng kể từ ngày 22/7/2018 đến hết ngày 22/12/2018, cụ thể:

- + Ngày 22/7/2018: Trả 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng)
- + Ngày 22/8/2018: Trả 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng)
- + Ngày 22/9/2018: Trả 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng)
- + Ngày 22/10/2018: Trả 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng)
- + Ngày 22/11/2018: Trả 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng)
- + Ngày 22/12/2018: Tất toán số tiền còn lại là 60.382.278đ (*Sáu mươi triệu, ba trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm bảy mươi tám đồng*) cho Ngân hàng.

Thứ tự hạch toán: Thu lãi phát sinh hàng tháng, số tiền còn lại thu gốc.

Ngoài ra, anh Phạm Đình T (tên gọi khác là Phạm Văn T) và chị Phạm Thị N còn phải chịu số tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký, tính từ ngày 18/6/2018 đến khi thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng Đ.

Nếu anh T, chị N vi phạm bất kỳ một kỳ thanh toán nào (không trả, trả không đủ, trả không đúng hạn) thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 09 có diện tích 395m² (trong đó: 210m² là đất ở; 185m² đất giao KTGD) tài sản trên đất là nhà cấp 4 địa chỉ: thôn L, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (Nay là Phường T, Thành phố H). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số S983955, số vào sổ cấp 969/QSDD/HD do UBND thành phố H, tỉnh Hải Dương cấp ngày 23/09/2002 cho ông Phạm Văn C và bà Đình Thị A. Ông C và bà A đã ký hợp đồng thế chấp số 1132/2015/HĐTC ngày 22/12/2015 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Hải Dương và toàn bộ tài sản phát sinh như hiện trạng để thu hồi một lần toàn bộ khoản vay.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ, anh T, chị N vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả số nợ còn lại đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Đ.

3. Về án phí:

- Anh Phạm Văn T (Phạm Đình T) và chị Phạm Thị N tự nguyện chịu cả phần án phí Dân sự sơ thẩm là **12.207.600đ** (làm tròn) (*Mười hai triệu, hai trăm linh bảy nghìn, sáu trăm đồng*).

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí là **10.845.000đồng** (*Mười triệu tám trăm bốn mươi năm ngàn đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0003295 ngày 13/3/2018 tại Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố H (*do bà Bùi Thị Thu H nộp thay* Ngân hàng TMCP Đ).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

THẨM PHÁN

Trương Thị Tố Uyên